



MARKET LENS

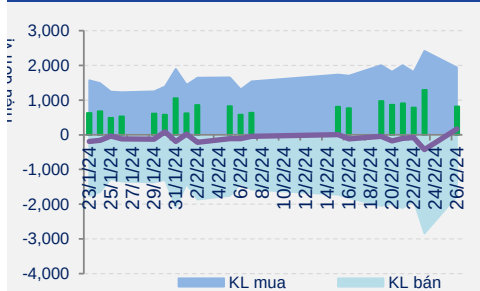
Phiên giao dịch ngày: 26/2/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

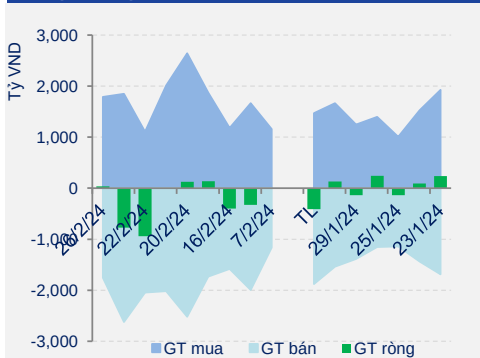
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,224.17	232.86
% Thay đổi	↑ 1.00%	↑ 0.77%
KLGD (CP)	816,366,174	98,570,469
GTGD (tỷ đồng)	20,905.53	1,809.97
Tổng cung (CP)	1,769,935,960	135,112,100
Tổng cầu (CP)	1,937,917,924	128,259,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	57,825,246	2,279,365
KL mua (CP)	53,263,027	3,190,560
GT mua (tỷ đồng)	1,789.04	89.51
GT bán (tỷ đồng)	1,755.96	44.85
GT ròng (tỷ đồng)	33.08	44.66

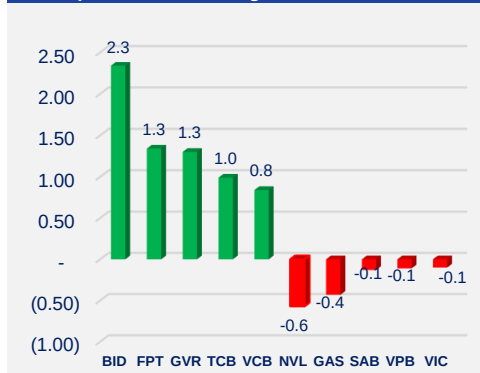
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm khá mạnh cuối tuần trước, VN-INDEX đã phục hồi khá tốt khi chỉ điều chỉnh nhẹ về vùng hỗ trợ quanh 1.211 điểm đầu phiên hôm nay trước khi tăng lại và giao dịch trên tham chiếu trong thời gian còn lại. Đà tăng mạnh lên trong phiên chiều và VN-INDEX đóng cửa tăng 12,17 điểm (+1,00%) lên mức 1.224.17 điểm, duy trì trên vùng giá tâm lý và đỉnh năm 2018 tương ứng 1.200 điểm -1.211 điểm. HNX-INDEX tăng 1,79 điểm (+0,77%) lên mức 232,86 điểm. Độ rộng tích cực trở lại với mức độ phục hồi khá tốt ở nhiều mã/nhóm mã khi có 377 mã tăng giá (20 mã tăng trần), 277 mã giảm giá (023 mã giảm sàn) và 139 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết giảm khá mạnh 34,8% so với phiên trước, khối lượng giao dịch tại HOSE giảm 37,12% trong đó VN30 giảm mạnh hơn 46,40% so với phiên trước. Diễn biến này cho thấy mức độ phục hồi không đồng đều, nhưng vẫn khá tích cực khi có nhiều mã tăng giá vượt vùng giá đỉnh cũ. Khối ngoại mua ròng trên HOSE với giá trị 33,08 tỷ đồng, mua ròng trên HNX với giá trị 44,66 tỷ đồng.

Theo báo cáo Hội nhập Kinh tế châu Á (AEIR) 2024 được ADB vừa công bố, cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) của EU có thể làm giảm khoảng 0,4% kim ngạch xuất khẩu toàn cầu tới EU và khoảng 1,1% xuất khẩu của châu Á sang EU, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến sản lượng của một số nhà sản xuất trong EU. Cơ chế này dự kiến có hiệu lực vào năm 2026, sẽ áp phí nhập khẩu vào EU đối với các sản phẩm như thép, xi măng và điện, dựa trên lượng khí thải CO2 trong quá trình sản xuất.

Nổi bật nhất phiên hôm nay là nhóm cổ phiếu chứng khoán khi hầu hết tăng giá mạnh, nhiều mã vượt đỉnh gần nhất, thanh khoản gia tăng đột biến như IVS (+9,65%), HCM (+6,99%), FTS (+6,91%), MBS (+6,87%), VDS (+5,21%)...

Các cổ phiếu nhóm xuất khẩu cũng có diễn biến rất tích cực trước những thông tin xuất nhập khẩu 02 tháng đầu năm tăng trưởng tốt so với cùng kỳ. Nổi bật như các mã Thủy sản với VHC (+6,97%), ANV (+6,92%), IDI (+6,75%)... hóa chất với DGC (+7,00%), CSV (+3,44%)..., dệt may TNG (+3,88%), MSH (+3,80%)..., cảng biển, vận tải biển GMD (+6,16%), HAH (+5,43%)... Ngoài ra thị trường vẫn duy trì rất nhiều mã vượt trội, tăng giá vượt đỉnh cũ như nhóm công nghệ CTR (+3,97%), FPT (+3,95%)... nhựa NTP (+4,55%), BMP (+3,03%)...

Các cổ phiếu ngân hàng sau phiên giao dịch khá đột biến cuối tuần trước đã phân hóa mạnh, đa số biến động hẹp và chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản ở mức trung bình với NVB (-1,77%), VPB (-1,28%), EIB (-1,09%), SHB (-0,84%)... ngoài các mã vẫn duy trì xu hướng tăng giá tích cực như BID (+3,08%), TCB (+2,74%), CTG (+1,28%)...

Nhóm cổ phiếu có diễn biến kém tích cực trong thị trường vẫn là nhóm bất động sản khi đa số vẫn chịu áp lực giảm điểm trong khi thị trường hồi phục với FIR (-1,98%), NRC (-1,96%), VIC (-1,33%), NVL (-1,18%)... ngoài các mã khá tích cực như PXL (+7,26%), CCL (+3,56%), IJC (+3,05%)... các mã xây dựng cũng có diễn biến tương tự khi phục hồi kém, biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản ở mức trung bình như PC1 (-1,08%), CTD (-0,30%), VCG (+0,41%), LCG (+0,39%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 tăng 5,2 điểm (+0,42%), chênh lệch âm gia tăng -3,01 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm mạnh 47,25% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 vẫn duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.225 điểm, vùng kháng cự mạnh 1.240 điểm -1.262 điểm tương ứng đỉnh cũ tháng 08, 09/2023. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -1,91 điểm đến -10,21 điểm so với VN30. Mức chênh lệch âm gia tăng và quay trở lại bình thường so với phiên đảo ngược cuối tuần cho thấy các trader đang kết thúc kỳ vọng lạc quan với xu hướng của VN30, nghiêng về khả năng VN30 sẽ điều chỉnh nhẹ trở lại, giá tăng phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường hồi phục ngay sau phiên điều chỉnh mạnh, chốt phiên VnIndex tăng +12,17 điểm (+1,00%) và đóng cửa ở 1.224,17 điểm. Sau phiên giảm điểm mạnh VnIndex được hỗ trợ bởi hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm và hồi phục là vận động mà chúng tôi đã dự báo tuy nhiên ngưỡng 1.250 điểm sẽ tiếp tục là ngưỡng cản mạnh mà Vn-Index không dễ vượt qua trong ngắn hạn, về trung hạn rất có thể VnIndex đã chạm ngưỡng trên của kênh tích lũy và bắt đầu phân phối để bước vào nhịp giảm (trong ngắn hạn vẫn có thể có phục hồi).

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, VN-Index dù hồi phục nhưng để có thể vượt qua cản mạnh 1.250 điểm, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ tiếp tục có những vận động bất thường trong thời gian tới theo hướng rũ bỏ mạnh và tích lũy lại trong thời gian đủ dài và do vậy chúng tôi không đánh giá cao khả năng VnIndex sớm vượt 1.250 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng ở giai đoạn hiện tại bởi VnIndex đang vận động ở vùng điểm số cao trong kênh tích lũy trung hạn và đã phát tín hiệu điều chỉnh nên rủi ro ngắn hạn đang tăng lên.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại. Chúng tôi đã nhận định sớm là Vn-Index đang dần vận động để hình thành kênh tích lũy rộng trung hạn 1.150 điểm - 1.250 điểm và hiện VnIndex gần như tiệm cận vùng cản trên của kênh tích lũy này nên rủi ro trung hạn đang tăng lên.

Vn-Index tiệm cận cản mạnh 1.250 điểm và đang có những rung lắc đầu tiên, rủi ro thị trường bước vào nhịp giảm đang tăng lên cho dù thị trường đã hồi phục trong phiên hôm nay (chúng tôi cũng đã dự báo việc thị trường hồi sau phiên giảm mạnh), chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn tham gia tích cực ở giai đoạn hiện tại. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nhịp tăng của kênh tích lũy nhưng đã tiệm cận cản trên nên rủi ro cũng đang tăng lên khi VnIndex bắt đầu rung lắc khi gặp cản mạnh 1.250, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định và ở vùng điểm số hiện tại cơ hội giải ngân trung dài hạn không còn nhiều và không hấp dẫn, do đó chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

26/2/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVD	28.10	27.5-28.3	31-32	26	27.0	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
VRE	26.00	23.5-25	29-30	22	13.4	12.4%	35.0%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.40	22.3	28-28.5	25	18.4%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	55.70	45.1	56-58	53	23.5%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.10	27.55	30-31	28	2.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	20.00	18.09	23-24	19	10.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Đề xuất ba phương án nâng mức đóng bảo hiểm y tế**

Bộ Y tế đề xuất lộ trình nâng mức đóng bảo hiểm y tế (BHYT) theo hướng tăng tỷ lệ đóng từ năm 2025 để đạt tối đa 6% tiền lương cơ sở hoặc lương tháng vào năm 2035. Mức đóng BHYT hiện được xác định theo tỷ lệ % tiền lương tháng tính đóng BHXH, lương hưu, trợ cấp thất nghiệp hoặc lương cơ sở tùy nhóm tham gia, hiện bằng 4,5% và tối đa 6%. Bộ Y tế đang lấy ý kiến dự thảo Luật Bảo hiểm Y tế sửa đổi. Trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách luật, Bộ cho rằng mức đóng trên chưa tương xứng với mức hưởng.

Giá USD ngân hàng tăng mạnh

Mỗi USD trong ngân hàng sáng nay nổi đũa tăng thêm 60 đồng lên 24.850 đồng, mức cao nhất từ đầu năm. Sáng 26/2, giá USD mua bán tại các ngân hàng được điều chỉnh tăng mạnh. Tỷ giá USD/VND sáng nay được Vietcombank tiếp tục nâng thêm 60 đồng, lên 24.480 - 24.850 đồng. Tại Eximbank, giá USD tăng 40 đồng lên 24.470 - 24.860 đồng một đôla Mỹ. Ước tính mỗi USD ngân hàng đã tăng gần 300 đồng trong chục ngày qua và lên mức cao nhất từ đầu năm.

Thành lập ban soạn thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản

Bộ Xây dựng vừa ban hành Quyết định số 117/QĐ-BXD về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản... Theo Quyết định số 117/QĐ-BXD, Ban soạn thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản gồm 34 thành viên, do Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh làm Trưởng ban. Tổ biên tập sẽ gồm 40 thành viên, do Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Hoàng Hải làm tổ trưởng.

Lương hưu người làm khối nhà nước bình quân hơn 6 triệu đồng

Người nghỉ hưu ở khu vực nhà nước hiện đang nhận mức lương hưu bình quân khoảng 6,1 triệu đồng. Lương hưu của người hưởng ở khu vực này hiện được tính bình quân trên tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của số năm cuối trước khi nghỉ hưu... Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho biết, tính đến tháng 12/2023, số người đang nghỉ hưởng chế độ hưu trí theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định khoảng 1,27 triệu người, mức hưởng bình quân là 6,1 triệu đồng/tháng. Luật hiện hành quy định, người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì lương hưu của họ được tính bình quân trên tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của số năm cuối trước khi nghỉ hưu.

TIN DOANH NGHIỆP

PV Power có thể mất hơn 1.000 tỷ đồng doanh thu do nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và 4 chậm tiến độ

PV Power cho biết phía Tín Nghĩa - đơn vị được giao quản lý Khu công nghiệp Ông Kèo đang cản trở thi công hạng mục kênh xả nước làm mát tại Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và 4, dẫn đến việc dự án tỷ USD này có nguy cơ không hoàn thành tiến độ, gây tổn thất cả nghìn tỷ đồng doanh thu của doanh nghiệp. Nhà máy nhiệt điện khí Nhơn Trạch 3 và 4 đang là dự án trọng điểm của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power - Mã: POW), được xem là động lực tăng trưởng quan trọng nhất của doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn.

Khang Điền muốn huy động 3.000 tỷ từ chào bán cổ phiếu để thanh toán nợ ngân hàng

Theo danh sách được công bố, đã có 20 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia vào đợt chào bán này, bao gồm 14 tổ chức và 6 cá nhân. Theo phương án do HĐQT xây dựng, Khang Điền có kế hoạch chào bán hơn 100 triệu cổ phiếu trong năm 2024 cho 20 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (bao gồm 14 tổ chức là quỹ, công ty chứng khoán, ngân hàng, bất động sản và 6 cá nhân). Giá chào bán dự kiến 27.250 đồng/cp, được chiết khấu 12% so với giá đóng cửa bình quân của 30 phiên giao dịch liền trước ngày 23/2/2024. Cổ phiếu chào bán mới sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Tài chính cổ phần điện lực (EVF): Mục tiêu lợi nhuận 2024 tăng trưởng 43%

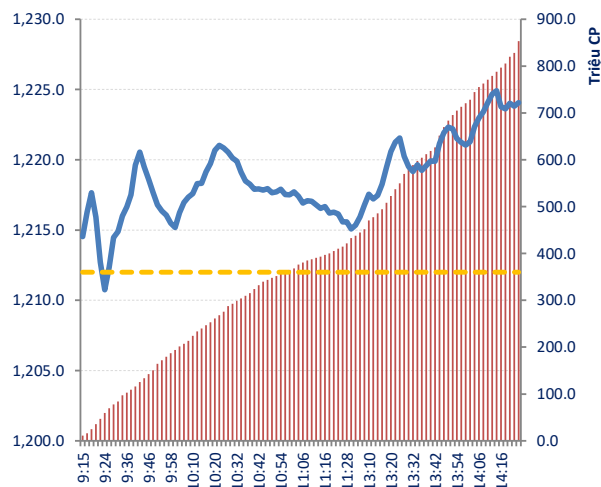
Công ty Tài chính cổ phần Điện lực (EVNFinance, mã chứng khoán EVF) vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 cùng định hướng kinh doanh năm nay. EVF dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào 8h ngày 15/5/2024 tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Almaz (Vinhomes Riverside phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội). Đại hội báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024, phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, phương án chi trả cổ tức

Vượt kế hoạch lợi nhuận, LHC chi cổ tức gấp 2.5 lần năm 2022

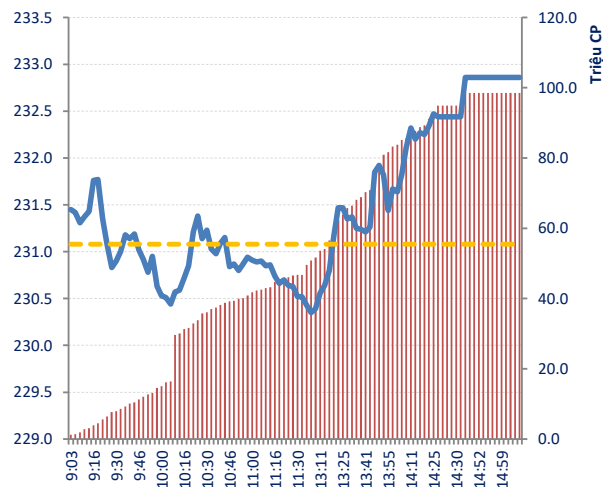
Không lâu sau khi vượt kế hoạch lợi nhuận, CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC) chốt thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 và trả cổ tức bằng tiền đợt 2/2023 theo tỷ lệ 10%. Tính chung cả năm 2023, tỷ lệ cổ tức bằng tiền của LHC đã cao gấp 2.5 lần so với năm 2022. Cụ thể, LHC thông báo ngày giao dịch không hưởng quyền 19/03 nhằm 2 mục đích, bao gồm việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 và trả cổ tức bằng tiền đợt 2/2023.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

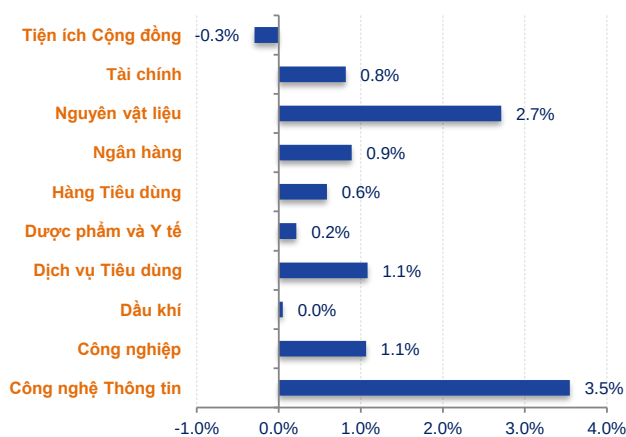
KLGD và VN-Index trong phiên



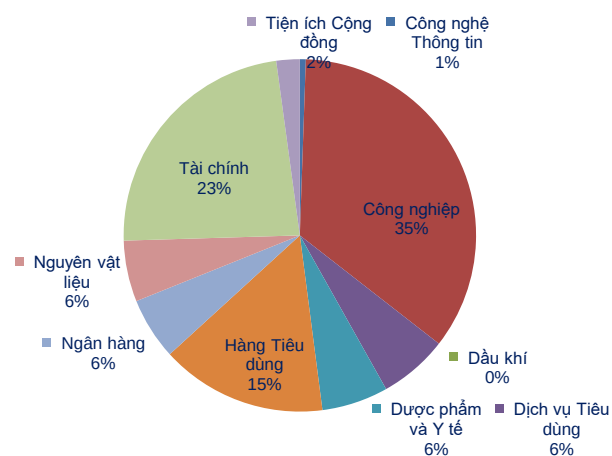
KLGD và HNX-Index trong phiên



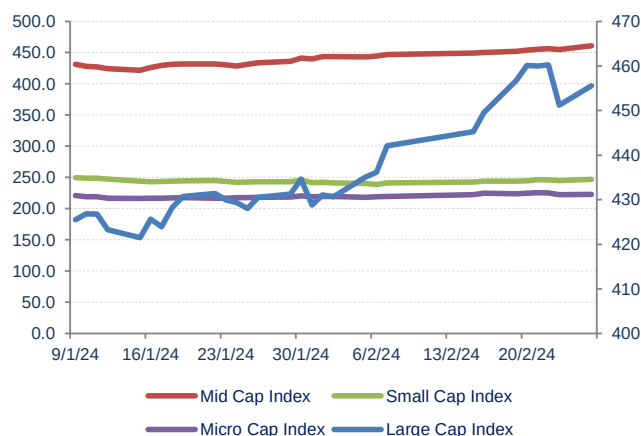
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



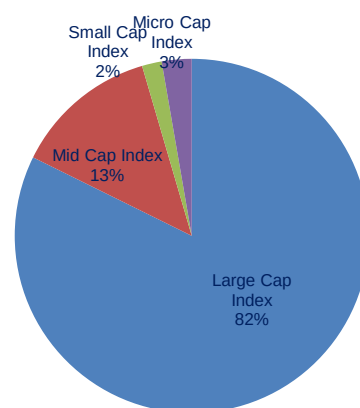
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HCM	4,843,985	STB	5,702,800	1	MBS	745,500	SHS	758,264
2	HAG	2,126,800	VPB	5,103,863	2	IDC	553,700	TIG	129,900
3	DGC	2,045,600	MWG	1,871,980	3	CEO	347,400	VFS	93,500
4	HPG	1,310,794	PVD	1,267,607	4	HUT	75,350	PVS	63,700
5	HHV	1,212,800	FUEVFNVD	1,252,700	5	LAS	68,500	IDJ	47,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.85	11.75	↓ -0.84%	34,905,300	SHS	17.30	17.80	↑ 2.89%	20,440,176
HCM	26.45	28.30	↑ 6.99%	31,976,200	VIF	14.50	14.50	→ 0.00%	12,441,000
VND	22.05	22.65	↑ 2.72%	27,220,700	MBS	26.20	28.00	↑ 6.87%	8,172,877
SSI	34.15	35.10	↑ 2.78%	26,945,501	CEO	21.20	21.40	↑ 0.94%	5,469,479
VIX	17.50	17.95	↑ 2.57%	24,947,100	HUT	18.60	18.40	↓ -1.08%	5,194,159

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DGC	100.00	107.00	7.00	↑ 7.00%	KSV	28.00	30.80	2.80	↑ 10.00%
HCM	26.45	28.30	1.85	↑ 6.99%	GDW	24.10	26.50	2.40	↑ 9.96%
DHM	8.89	9.51	0.62	↑ 6.97%	HAT	45.50	50.00	4.50	↑ 9.89%
VHC	64.60	69.10	4.50	↑ 6.97%	PPE	10.20	11.20	1.00	↑ 9.80%
ANV	31.05	33.20	2.15	↑ 6.92%	THS	9.30	10.20	0.90	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
IJC	14.65	13.50	-1.15	↓ -7.85%	DPC	11.60	10.50	-1.10	↓ -9.48%
CVT	33.00	30.70	-2.30	↓ -6.97%	V12	13.50	12.60	-0.90	↓ -6.67%
ST8	14.10	13.15	-0.95	↓ -6.74%	CET	6.00	5.60	-0.40	↓ -6.67%
CCI	24.40	22.80	-1.60	↓ -6.56%	D11	12.80	12.00	-0.80	↓ -6.25%
TDW	48.25	45.60	-2.65	↓ -5.49%	MCO	19.20	18.20	-1.00	↓ -5.21%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	34,905,300	16.1%	2,064	5.7	0.9
HCM	31,976,200	8.3%	1,206	21.9	1.9
VND	27,220,700	13.0%	1,657	13.3	1.6
SSI	26,945,501	10.1%	1,531	22.3	2.2
VIX	24,947,100	11.6%	1,444	12.1	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	20,440,176	5.7%	688	25.2	1.4
VIF	12,441,000	5.9%	839	17.3	1.0
MBS	8,172,877	12.3%	1,334	19.6	2.3
CEO	5,469,479	3.1%	408	51.9	1.8
HUT	5,194,159	0.6%	82	227.2	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	↑ 7.0%	27.2%	8,186	12.2	3.2
HCM	↑ 7.0%	8.3%	1,206	21.9	1.9
DHM	↑ 7.0%	1.7%	191	46.6	0.8
VHC	↑ 7.0%	11.0%	4,051	15.9	1.7
ANV	↑ 6.9%	1.5%	317	98.1	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSV	↑ 10.0%	4.0%	600	46.7	1.9
GDW	↑ 10.0%	13.8%	2,736	8.8	1.3
HAT	↑ 9.9%	34.5%	7,751	5.9	1.9
PPE	↑ 9.8%	6.9%	372	27.4	1.8
THS	↑ 9.7%	5.9%	876	10.6	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	4,843,985	8.3%	1,206	21.9	1.9
HAG	2,126,800	32.9%	1,843	6.6	2.2
DGC	2,045,600	27.2%	8,186	12.2	3.2
HPG	1,310,794	6.9%	1,175	24.2	1.6
HHV	1,212,800	3.7%	937	16.2	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	745,500	12.3%	1,334	19.6	2.3
IDC	553,700	22.6%	4,221	13.4	3.0
CEO	347,400	3.1%	408	51.9	1.8
HUT	75,350	0.6%	82	227.2	1.5
LAS	68,500	10.7%	1,316	14.0	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	496,870	21.7%	5,910	15.0	2.9
BID	296,423	19.0%	3,781	13.8	2.4
CTG	189,024	17.0%	3,723	9.5	1.5
VHM	188,544	20.0%	7,607	5.7	1.0
GAS	175,471	18.4%	5,053	15.1	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,645	22.6%	4,221	13.4	3.0
PVS	17,207	6.6%	1,812	19.9	1.3
HUT	16,601	0.6%	82	227.2	1.5
SHS	14,068	5.7%	688	25.2	1.4
THD	13,513	3.0%	470	74.7	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
NHA	2.51	1.4%	143	118.8	1.7
MHC	2.51	4.8%	618	13.8	0.7
VPG	2.47	1.3%	232	73.7	1.0
DC4	2.45	15.8%	1,946	5.7	0.8
DIG	2.34	2.2%	283	92.4	2.0

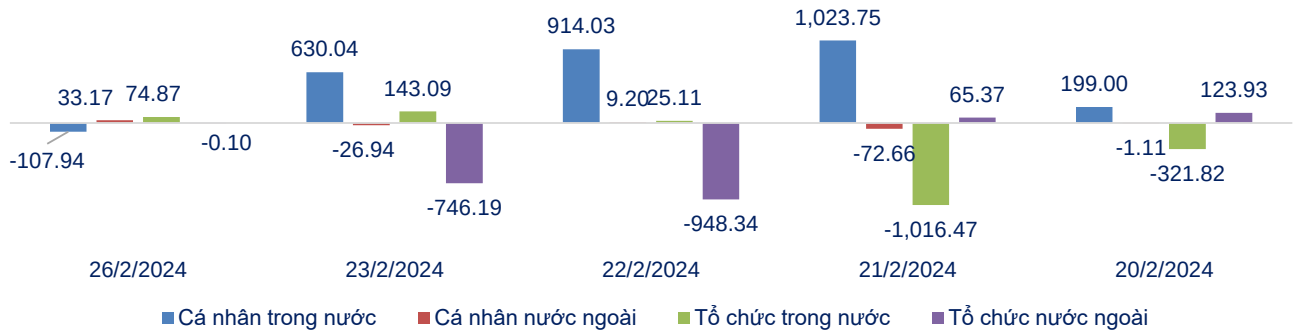
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TKG	2.52	2.0%	205	39.0	0.8
VGS	2.47	6.1%	1,090	20.2	1.2
VC2	2.36	2.0%	293	38.6	0.9
CEO	2.33	3.1%	408	51.9	1.8
EVS	2.32	1.9%	228	35.9	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	132.76	18.3%	4,094	7.5	1.3
MWG	91.55	0.7%	115	384.0	2.8
VPB	88.83	8.3%	1,445	13.5	1.1
FPT	72.74	23.4%	5,105	20.4	4.4
HPG	59.92	6.9%	1,175	24.2	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-213.92	27.2%	8,186	12.2	3.2
HCM	-83.54	8.3%	1,206	21.9	1.9
EVF	-60.37	5.1%	748	24.3	1.5
CTG	-40.36	17.0%	3,723	9.5	1.5
VCI	-38.51	7.1%	1,127	38.7	2.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	48.73	23.4%	5,105	20.4	4.4
STB	2.30	18.3%	4,094	7.5	1.3
VHM	1.90	20.0%	7,607	5.7	1.0
HPG	1.36	6.9%	1,175	24.2	1.6
SSI	1.08	10.1%	1,531	22.3	2.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ORS	-10.28	9.4%	1,088	14.7	1.4
VNM	-5.91	26.2%	4,248	16.7	4.2
VND	-2.11	13.0%	1,657	13.3	1.6
HCM	-1.64	8.3%	1,206	21.9	1.9
GIL	-1.29	1.1%	395	79.5	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	42.82	5.1%	748	24.3	1.5
STB	40.45	18.3%	4,094	7.5	1.3
CTG	35.82	17.0%	3,723	9.5	1.5
FUEVFNVD	35.56	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB	35.18	14.7%	5,118	7.8	1.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-97.32	6.9%	1,175	24.2	1.6
FPT	-72.53	23.4%	5,105	20.4	4.4
HCM	-50.53	8.3%	1,206	21.9	1.9
NKG	-42.09	2.2%	446	52.4	1.1
MSB	-32.45	16.0%	2,322	6.6	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	215.90	27.2%	8,186	12.2	3.2
HCM	135.71	8.3%	1,206	21.9	1.9
SSI	36.91	10.1%	1,531	22.3	2.2
HPG	36.04	6.9%	1,175	24.2	1.6
HAH	35.34	12.7%	3,526	11.5	1.3

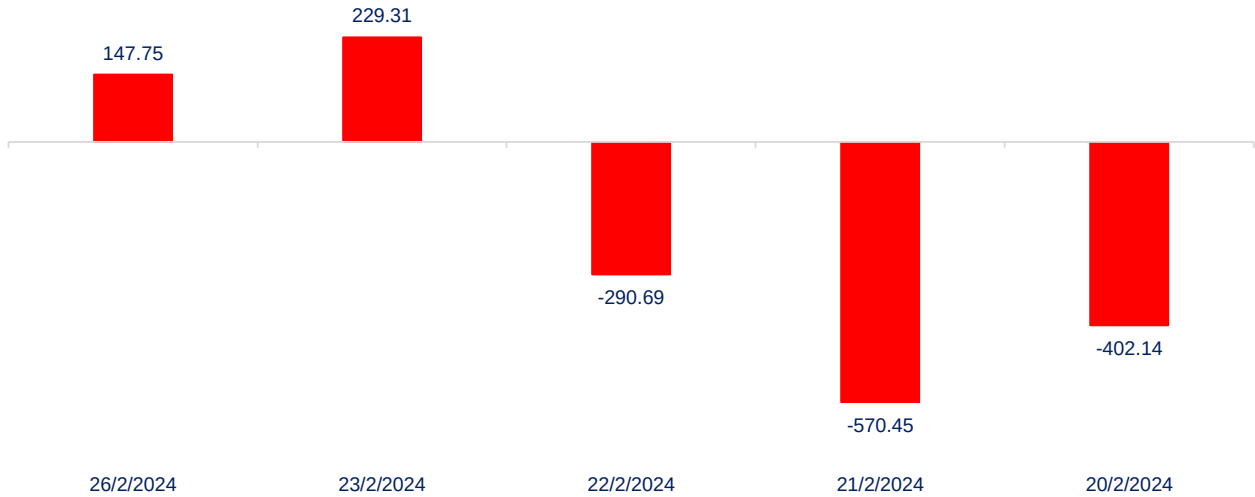
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-175.51	18.3%	4,094	7.5	1.3
VPB	-98.59	8.3%	1,445	13.5	1.1
MWG	-81.49	0.7%	115	384.0	2.8
FPT	-48.95	23.4%	5,105	20.4	4.4
MSN	-46.43	1.1%	293	227.3	2.5

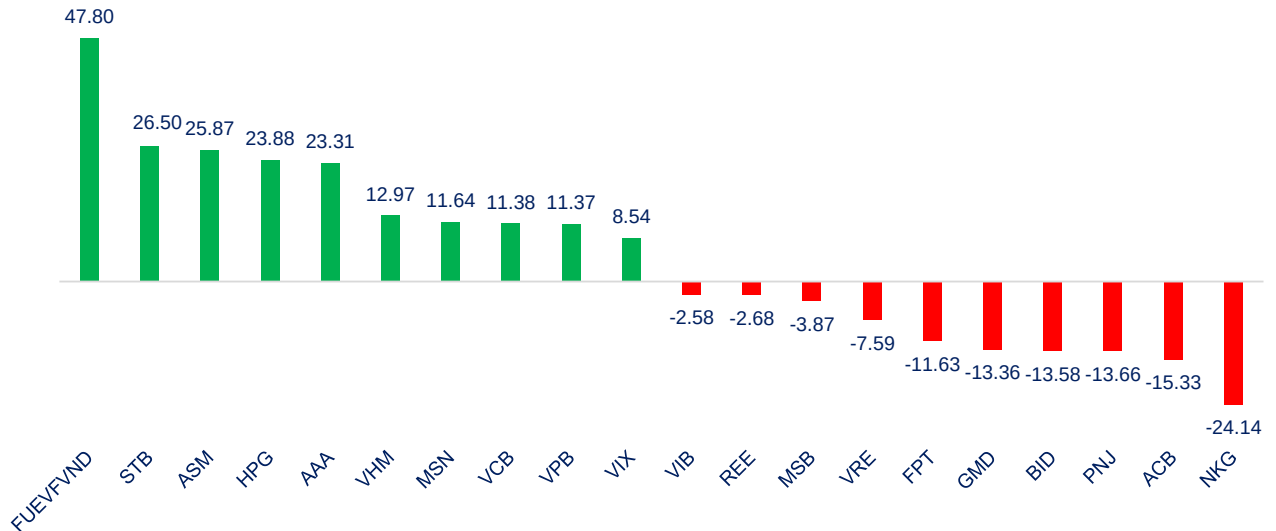


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn